

ÔNG ĐỒ

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

– Cảm nhận được tình cảnh tàn tạ của nhân vật ông đồ, qua đó thấy được niềm cảm thương và nỗi nhớ tiếc ngậm ngùi của tác giả đối với cảnh cũ người xưa gắn liền với một nét đẹp văn hoá cổ truyền.

– Thấy được sức truyền cảm nghệ thuật đặc sắc của bài thơ.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. GV cần lưu ý HS nhận diện thể ngũ ngôn của bài thơ ; đây không phải là ngũ ngôn tứ tuyệt (như bài *Tụng giá hoàn kinh sư* của Trần Quang Khải, *Tĩnh dạ tứ* của Lí Bạch đã học ở lớp 7) mà là thơ ngũ ngôn gồm nhiều khổ, mỗi khổ bốn câu.

2. GV cần lưu ý HS tìm hiểu về nhân vật ông đồ, về nghệ thuật thư pháp và thú chơi chữ, chơi câu đối Tết của người Việt Nam xưa. HS lứa tuổi các em ít hiểu rõ những điều này. Các em cũng cần biết về tình cảnh Hán học suy tàn khi bài thơ ra đời. Những hiểu biết này rất cần thiết đối với việc tiếp nhận bài thơ.

Từ đầu thế kỉ XX, nền Hán học và chữ nho ngày càng mất vị thế quan trọng trong đời sống văn hoá Việt Nam như trong suốt mấy trăm năm trước. Chế độ khoa cử phong kiến (chữ nho) bị bãi bỏ (khoa thi Hương cuối cùng ở Bắc Kỳ là vào năm 1915), cả một thành trì văn hoá cũ hầu như sụp đổ. Và các nhà nho, từ

chỗ là nhân vật trung tâm của đời sống văn hoá dân tộc, được xã hội tôn vinh, bỗng trở nên lạc bước trong thời đại mới, bị cuộc đời bỏ quên và cuối cùng là vắng bóng.

Ông đồ là người Nho học nhưng không đỗ đạt⁽¹⁾, sống thanh bản bằng nghề dạy học. Theo phong tục, khi Tết đến, người ta sắm câu đối hoặc một đôi chữ nho viết trên giấy đỏ dán lên vách, lên cột, vừa để trang hoàng nhà cửa ngày Tết, vừa gửi gắm lời cầu chúc tốt lành. Khi đó, ông đồ được thiên hạ tìm đến và ông có dịp trở tài, đồng thời, có được ít tiền tiêu Tết. Ở thành phố thì khi giáp Tết, xuất hiện những ông đồ "bày mực tàu giấy đỏ" bên hè phố, viết chữ nho, câu đối bán. Tuy là viết thuê kiếm tiền nhưng khi đó, chữ của ông còn đang được mọi người trân trọng, thưởng thức nên ông vẫn đang trong thời đắc ý.

Nhưng rồi chế độ thi cử chữ Hán bị bãi bỏ, chữ nho bị rẻ rúng, ông đồ trở thành hết thời, bị gạt ra ngoài lề cuộc đời mới; trẻ con không đi học chữ nho của các ông đồ, mà vào các trường Pháp – Việt, học chữ Pháp, chữ quốc ngữ, nếu cha mẹ chúng có khả năng cho chúng đi học. Và Tết đến, người ta vẫn đua nhau sắm Tết, nhưng ở thành phố, không mấy nhà còn thích thú sắm câu đối Tết. Cuối cùng, hình ảnh ông đồ hoàn toàn biến mất trên đường phố khi Tết đến và trong trí nhớ mọi người. Một lớp người đã từng có mặt và có vai trò không thể thiếu trong đời sống văn hoá xã hội từ xa xưa, bỗng vắng bóng trong cuộc đời nhộn nhịp, xô bồ hôm nay...

Trong bài thơ, tác giả không lí lẽ, bàn bạc về sự hết thời của chữ nho, nhà nho, mà chỉ thể hiện tâm trạng ngậm ngùi, day dứt trước sự tàn tạ rồi vắng bóng của ông đồ, con người của một thời đã qua. "Ông đồ chính là cái di tích tiêu tụy đáng thương của một thời tàn" như lời tác giả⁽²⁾.

III – HƯỚNG DẪN ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Trước hết, GV cần hướng dẫn HS tìm bố cục bài thơ. Bài thơ có năm khổ thì bốn khổ có hình ảnh ông đồ ngồi viết câu đối thuê ngày Tết bên hè phố. Giọng thơ hầu như không thay đổi nhưng ở hai khổ đầu và hai khổ thơ tiếp theo, tuy vẫn hình ảnh đó, lại là hai cảnh tượng tương phản, cho thấy số phận ông đồ

(1) Cũng có khi, người học trò (lớn tuổi) học chữ nho được gọi là *anh đồ*.

(2) Trích theo *Thi nhân Việt Nam*.

đã thay đổi hoàn toàn. Khổ kết là sự vắng bóng của ông đồ và câu hỏi băng khuâng nhớ tiếc của nhà thơ.

2. Gợi ý phân tích hai khổ thơ đầu : hình ảnh ông đồ thời đắc ý.

Ở hai khổ này nổi bật hình ảnh ông đồ trong thời kì đắc ý của ông. Mỗi khi Tết đến, hoa đào nở, lại thấy ông đồ cùng *mực tàu, giấy đỏ* bên hè phố đông người qua lại, như góp mặt vào cái đông vui, náo nhiệt của phố phường. Hình ảnh đó đã trở thành thân quen như không thể thiếu trong mỗi dịp Tết đến. Ông viết chữ, viết câu đối đỏ, tức là cung cấp một thứ hàng mà mỗi gia đình cần sắm cho ngày Tết. Vì vậy, cứ vào dịp Tết, người ta kéo nhau tìm đến ông đồ, và lúc này, ông rất "đắt hàng", có *bao nhiêu người thuê viết*. Ở hai khổ thơ đầu, hình ảnh ông đồ như hoà vào, góp vào cái rộn ràng, tung bừng, sắc màu rực rỡ của phố xá đang đón Tết ; *mực tàu, giấy đỏ* của ông hoà với màu đỏ của *hoa đào nở* ; sự có mặt của ông đã thu hút bao người xúm đến. Người ta không chỉ tìm đến ông vì cần thuê ông viết chữ, mà còn để thưởng thức tài viết chữ đẹp của ông. Mọi người *tấm tắc ngợi khen tài* ông, khen ông có *hoa tay*, khen chữ ông *như phượng múa, rồng bay*... Lúc ấy, ông trở thành trung tâm của sự chú ý, là đối tượng của sự ngưỡng mộ của mọi người.

3. Gợi ý phân tích hai khổ thơ tiếp theo : hình ảnh ông đồ thời tàn.

Ở hai khổ này, vẫn nổi bật hình ảnh ông đồ với *mực tàu, giấy đỏ* bên hè phố ngày Tết, nhưng tất cả đã khác xưa. Chẳng còn đâu cảnh *bao nhiêu người thuê viết* chen chúc, *tấm tắc ngợi khen*, mà là cảnh tượng vắng vẻ đến thê lương :

*Nhưng mỗi năm mỗi vắng
Người thuê viết nay đâu ?*

Ông ngồi đấy nhưng cũng chẳng cầm đến bút, chạm đến giấy. Vì vậy mà :

*Giấy đỏ buồn không thấm ;
Mực đọng trong nghiên sầu...*

Nỗi buồn tủi lan sang cả những vật vô tri vô giác. Tờ giấy đỏ cứ phơi ra đấy mà chẳng được đụng đến trở thành bẽ bàng, màu đỏ của nó trở thành vô duyên, không *thấm* lên được ; nghiên mực cũng vậy, không hề được chiếc bút lông chấm vào, nên mực như đọng lại bao sầu tủi và trở thành *nguyên sầu* ! (GV cần lưu ý HS về biện pháp nhân hoá được sử dụng ở đây "đắt" như thế nào.)

Ông đồ vẫn ngồi đấy như xưa, nhưng cuộc đời đã hoàn toàn khác xưa. Đường phố vẫn đông người qua, nhưng không ai biết đến sự có mặt của ông ! Ông vẫn cố bám lấy sự sống, vẫn muốn có mặt với cuộc đời, nhưng cuộc đời thì đã quên hẳn ông ! Ông *ngồi đấy* bên phố đông mà vô cùng lạc lõng, lẻ loi. Ông *ngồi đấy* lặng lẽ mà trong lòng ông là một tấn bi kịch, là sự sụp đổ hoàn toàn. Trời đất cũng ảm đạm, lạnh lẽo như lòng ông :

*Lá vàng rơi trên giấy ;
Ngoài trời mưa bụi bay.*

Đây có phải là những câu thơ tả cảnh không ? Đúng là tuy có tả cảnh nhưng chính là nói nỗi lòng, tức là *mượn cảnh ngụ tình*, là miêu tả mà biểu cảm, *ngoại cảnh* mà kì thực là *tâm cảnh*. Có thể nói đây là hai câu thơ đặc sắc nhất của bài thơ, GV cần giúp HS cảm nhận được cái hay đó. Hai câu là sự minh họa rất chuẩn cho các khái niệm *mượn cảnh ngụ tình* và *ý tại ngôn ngoại* trong thơ trữ tình. *Lá vàng rơi* vốn đã gợi sự tàn tạ, buồn bã ; đây lại là *lá vàng rơi* trên những tờ giấy dành viết câu đối của ông đồ. Vì ông ế khách, tờ giấy đỏ cứ phơi ra đấy hứng lá vàng rơi và ông cũng bỏ mặc... ! *Ngoài trời mưa bụi bay*, câu thơ ấy tả cảnh hay tả lòng người ? Chẳng phải mưa to gió lớn, cũng chẳng phải mưa rả rích dầm dề sâu nã ghê gớm, chỉ là *mưa bụi bay* rất nhẹ, vậy sao mà ảm đạm, mà lạnh lẽo tới buốt giá ! Một thi sĩ thời Đường đã viết bài *Thanh minh* có hai câu :

*Thanh minh thời tiết vũ phân phân,
Lộ thượng hành nhân dục đoạn hồn.*

Có người đã dịch :

*Thanh minh lát phát mưa phùn,
Khách đi đường thấm nỗi buồn xót xa.*

Thì ra cái mưa phùn chỉ *lát phát*, cái *mưa bụi* chỉ nhẹ *bay* vậy thôi mà cũng đủ làm người *buồn xót xa*, buồn nát ruột (*dục đoạn hồn*) ! Đây là mưa trong lòng người chứ đâu còn là mưa ngoài trời ! Dường như cả trời đất cũng ảm đạm, buồn bã cùng với ông đồ !

4. Gợi ý tìm hiểu tâm tư tác giả qua bài thơ.

Bài thơ mở đầu là *Mỗi năm hoa đào nở – Lại thấy ông đồ già* và kết thúc là *Năm nay đào lại nở – Không thấy ông đồ xưa*. Đó là kiểu kết cấu *đầu cuối tương*

úng chặt chẽ, làm nổi bật chủ đề. Khổ thơ có cái tứ "cảnh cũ người đâu" thường gặp trong thơ xưa, đầy gợi cảm. Sau mấy cái Tết *ông đồ vẫn ngồi đấy* nhưng không được ai để ý, thì đến năm nay *đào lại nở*, nhưng ông đồ hoàn toàn vắng bóng. Ông đã bị "xoá sổ" hẳn rồi!

Hai câu cuối là lời tự vấn, là nỗi niềm thương tiếc khắc khoải của nhà thơ trước việc vắng bóng "ông đồ xưa". Từ sự vắng bóng ông đồ khi Tết đến, nhà thơ băng khuâng, xót xa nghĩ tới những người "muôn năm cũ" không bao giờ còn thấy nữa. Câu hỏi không có trả lời, gieo vào lòng người đọc những cảm thương, tiếc nuối không dứt.

Trong thơ trữ tình, cảm xúc trữ tình của nhà thơ mới là nội dung cốt lõi của tác phẩm; nếu có tự sự, miêu tả thì cũng vẫn hướng tới việc bộc lộ cảm xúc, tâm trạng nhà thơ, vẫn đậm sắc thái biểu cảm. Trong bài *Ông đồ*, qua sự tương phản giữa hai cảnh tượng cùng miêu tả ông đồ ngồi viết câu đối ngày Tết, có thể thấy rõ tâm tư tình cảm của nhà thơ. Tâm tư ấy biểu lộ kín đáo qua những chi tiết miêu tả, có khi được nhà thơ trực tiếp phát biểu (như hai câu kết), có khi chỉ toát ra qua giọng điệu ngậm ngùi của bài thơ. Đó là niềm cảm thương chân thành đối với tình cảnh những ông đồ đang tàn tạ trước sự đổi thay của cuộc đời; đồng thời, đó còn là niềm nhớ nhung, luyến tiếc những cảnh cũ người xưa nay đã vắng bóng. Sự cảm thương chân thành trước những số phận bất hạnh thì rõ ràng là tình cảm nhân đạo đáng quý, nhưng hoài cổ (nhớ tiếc cái xưa cũ) cũng không thể chỉ coi là tiêu cực. Đặc biệt, ở bài thơ này, cái xưa cũ không còn nữa mà nhà thơ ngậm ngùi nhớ tiếc đó đã từng gắn bó thân thiết, dường như không thể thiếu đối với đời sống Việt Nam hàng trăm năm, lại mang một vẻ đẹp văn hoá và gắn với những giá trị tinh thần truyền thống, thì niềm hoài cổ đó có một ý nghĩa nhân văn và thể hiện một tinh thần dân tộc đáng trân trọng.

5. Gợi ý tìm hiểu đặc sắc nghệ thuật của bài thơ.

Trong quá trình phân tích bài thơ, HS phải từ nghệ thuật mà tìm hiểu, phân tích nội dung tư tưởng, cảm xúc, song các em cần thấy được những nét đặc sắc chung về nghệ thuật của bài thơ:

– *Thể thơ ngũ ngôn được sử dụng, khai thác có hiệu quả nghệ thuật cao.* Thể thơ này có khả năng biểu hiện phong phú, có thể tự sự (kể chuyện), miêu tả, triết lí,... như nhiều thể thơ khác, nhưng dường như thích hợp nhất với việc diễn tả tâm tình sâu lắng. Giọng chủ âm của bài thơ là trầm lắng, ngậm ngùi, phù hợp với việc diễn tả tâm tư, cảm xúc của nhà thơ.

– *Kết cấu bài thơ giản dị mà chặt chẽ, có nghệ thuật.* Đó là kết cấu đầu cuối tương ứng và có hai cảnh tượng tương phản sâu sắc cùng miêu tả ông đồ ngồi viết thư bên hè phố ngày Tết ; cách kết cấu ấy đã làm nổi bật chủ đề bài thơ, thể hiện tình cảnh thất thế, tàn tạ đáng buồn của ông đồ một cách đầy ám ảnh.

– *Ngôn ngữ bài thơ rất trong sáng, bình dị, đồng thời hàm súc, dư ba.* Hình ảnh thơ cũng vậy, không có gì tân kỳ, độc đáo, nhưng đầy gợi cảm. Chẳng hạn những câu *Giấy đỏ buồn không thắm – Mực đọng trong nghiên sâu*, hoặc *Lá vàng rơi trên giấy – Ngoài trời mưa bụi bay*, có thể coi là toàn bích, là *y tại ngôn ngoại*. Chính vì chất lọc, tinh luyện mà bài thơ tuy chỉ có một hình thức bình dị, khiêm nhường, đã có một sức truyền cảm nghệ thuật và sức sống mạnh mẽ, lâu dài.